

TỔNG CTCP KHOAN & DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ (PVD) – CẬP NHẬT

Giá thị trường

VND21.900

Giá mục tiêu

VND30.500

Tỷ suất cổ tức

0,0%

Khuyến nghị

KHẢ QUAN

Ngành

Dầu khí

Ngày 27/05/2022

Triển vọng ngắn hạn: Tích cực

Triển vọng dài hạn: Tích cực

Định giá: Tích cực

Consensus*: Mua:5 Giữ:4 Bán:1

Giá mục tiêu/Consensus: -3,9%

Thay đổi trọng yếu trong báo cáo

➢ Giảm dự phóng EPS 2022-24 xuống

32,6%/9,3%/1,7%

➢ Hạ giá mục tiêu xuống 2,9%

Diễn biến giá



Nguồn: VND RESEARCH

Thông tin cổ phiếu

Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33.290
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14.333
GTGDBQ 3 tháng (tr VNĐ)	186.772
Thị giá vốn (tỷ VNĐ)	10.410
Free float (%)	50
P/E trượt (x)	474
P/B hiện tại (x)	0,68

Cơ cấu sở hữu

PVN	50,5%
Khác	49,5%

Nguồn: VND RESEARCH

Chuyên viên phân tích:



Nguyễn Ngọc Hải

hai.nguyennngoc2@vndirect.com.vn

www.vndirect.com.vn

Triển vọng vẫn tích cực dù KQKD Q1 ảm đạm

- Hiệu suất sử dụng và giá thuê giàn tự nâng đang cải thiện nhưng vẫn chưa đủ bù đắp cho chi phí cố định mảng khoan, dẫn đến khoản lỗ ròng 56,2 tỷ đồng trong Q1/22.
- Chúng tôi tin tưởng vào sự phục hồi mạnh mẽ hơn trong các quý tới nhờ mặt bằng giá dầu cao có thể cải thiện TT khoan dầu khí trong trung hạn.
- Duy trì khuyến nghị Khả Quan với giá mục tiêu thấp hơn là 30.500 đ/cp.

KQKD Q1/22 ảm đạm do hiệu suất sử dụng giàn tự nâng vẫn ở mức thấp

Doanh thu (DT) Q1/22 tăng 108,4% svck lên 1.145,9 tỷ đồng nhờ: (1) đóng góp của giàn khoan TAD, (2) ghi nhận DT từ 1 giàn khoan thuê ngoài và (3) sự phục hồi của mảng dịch vụ giếng khoan (+83,6% svck). Tuy nhiên, sự phục hồi chậm của hiệu suất sử dụng giàn tự nâng (chỉ 60%) và giá thuê giàn (+4% svck) không đủ bù đắp cho chi phí cố định của đội giàn tự nâng, dẫn đến khoản lỗ gộp 13,2 tỷ đồng của mảng khoan. Bên cạnh đó, PVD ghi nhận thu nhập từ công ty liên kết giảm trong khi chi phí ngoài HĐKD đến từ hoạt động tài chính và hoạt động khác trong Q1/22 tăng. Kết quả, PVD lỗ ròng 56,2 tỷ đồng trong Q1/22 (so với mức lỗ ròng 103,8 tỷ đồng trong Q1/21).

Phục hồi mạnh mẽ hơn trong các quý sắp tới nhờ TT khoan cải thiện

Mặc dù TT khoan trong khu vực đang trên đà phục hồi, giá thuê ngày giàn tự nâng của PVD vẫn phục hồi khá khiêm tốn trong Q1/22 (+4% svck). Điều này có thể là do một số hợp đồng (HĐ) khoan đã được ký kết khi mặt bằng giá thuê vẫn ở mức thấp (giàn PVD I và III). Do đó, chúng tôi giảm giả định giá thuê ngày trung bình giàn tự nâng xuống 10,0%/2,9% cho 2022-23, dẫn đến điều chỉnh giảm dự phóng LN ròng 2022-23 xuống 32,6%/9,3%. Về cơ bản, chúng tôi vẫn tin tưởng vào sự phục hồi trong HĐKD của PVD trong các quý tới nhờ: (1) tất cả giàn khoan của PVD đều đã có việc cho phần còn lại của năm nay và cả sau đó, (2) TT khoan dự kiến sẽ phục hồi mạnh mẽ nhờ giá dầu tăng đột biến, có thể kéo theo giá thuê giàn tự nâng cao hơn cho PVD, và (3) giàn TAD đã chính thức hoạt động từ T1/22. Chúng tôi ước tính PVD sẽ ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ trong LN ròng năm 2022 so với mức thấp của năm 2021 (+17,4 lần svck), sau đó đạt tăng trưởng kép LN ròng là 45,1% trong 2023-24. Ngoài ra, PVD dự kiến sẽ chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% cho năm 2021.

Duy trì khuyến nghị Khả Quan với giá mục tiêu thấp hơn là 30.500 đ/cp

Bất chấp KQKD Q1/22 ảm đạm, chúng tôi vẫn tin vào triển vọng phục hồi HĐKD của PVD trong thời gian tới do môi trường giá dầu cao sẽ thúc đẩy các hoạt động Thăm dò & Khai thác dầu khí trên toàn cầu, kéo theo nhu cầu khoan phục hồi. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị Khả Quan với giá mục tiêu là 30.500 đồng do điều chỉnh dự phóng EPS. Giá mục tiêu vẫn dựa trên P/B mục tiêu 2022 là 1,15 lần. Động lực tăng giá là giá dầu cao hơn và thị trường khoan phục hồi mạnh mẽ hơn kỳ vọng. Rủi ro giảm giá là sự sụt giảm của giá dầu và hiệu suất sử dụng và giá thuê ngày giàn khoan tự nâng thấp hơn kỳ vọng.

Tổng quan tài chính (VNĐ)	12-20A	12-21A	12-22E	12-23E
Doanh thu thuần (tỷ)	5.229	3.995	5.763	5.823
Tăng trưởng DT thuần	19,7%	(23,6%)	44,2%	1,0%
Biên lợi nhuận gộp	6,3%	9,3%	13,3%	17,7%
Biên EBITDA	15,5%	17,7%	20,2%	25,4%
LN ròng (tỷ)	186	20	340	593
Tăng trưởng LN ròng	1,1%	(89,5%)	1636,3%	74,7%
Tăng trưởng LN cốt lõi	(51,5%)	(82,3%)	(100,0%)	
EPS cơ bản	442	46	732	1.173
EPS điều chỉnh	282	30	467	748
BVPS	32.723	32.243	26.669	27.222
ROAE	1,4%	0,1%	2,5%	4,4%

Nguồn: VND RESEARCH

TRIỂN VỌNG VẤN TÍCH CỰC DÙ KQKD Q1 ẨM ĐẠM

KQKD Q1/22 ẩm đạm do hiệu suất sử dụng giàn tự nâng vẫn ở mức thấp

Hình 1: Tổng quan KQKD Q1/22

Đơn vị: tỷ đồng	Q1/21	Q1/22	% svck	% sv dự phóng 2022	Nhận định
Doanh thu thuần	549,9	1.145,9	108,4%	19,2%	DT thuần Q1/22 tăng 108,4% svck nhờ: (1) hiệu suất sử dụng giàn tự nâng cải thiện lên 60% (so với 52% trong Q1/21), (2) ghi nhận DT từ 1 giàn khoan thuê ngoài, (3) đóng góp của giàn TAD, và (4) DT mảng dịch vụ giếng khoan cao hơn
Khoan	236,5	748,0	216,2%		
DV giếng khoan	211,7	388,5	83,6%		
Thương mại	101,6	9,4	-90,8%		
LN gộp	(27,8)	69,9	NA	7,1%	
Khoan	(75,0)	(13,2)	-82,4%		
DV giếng khoan	34,3	78,1	127,4%		
Thương mại	12,9	5,1	-60,5%		
Biên LN gộp	-5,1%	6,1%	11,2 điểm %		Biên LN gộp Q1/22 cải thiện nhờ TT khoan từng bước phục hồi
Khoan	-31,7%	-1,8%	30,0 điểm %		
DV giếng khoan	16,2%	20,1%	3,9 điểm %		
Thương mại	12,7%	54,4%	41,7 điểm %		
Chi phí bán hàng	(1,4)	(1,4)	-3,4%	7,0%	
Chi phí QLDN	(83,6)	(86,2)	3,1%	17,3%	
EBIT	(112,8)	(17,6)	-84,4%		
Doanh thu tài chính	41,5	26,8	-35,4%		Chi phí tài chính ròng Q1/22 tăng ~18 lần svck lên 28,9 tỷ đồng do thu nhập từ tiền gửi giảm trong khi lỗ chênh lệch tỷ giá cao hơn
Chi phí tài chính	(43,1)	(55,7)	29,2%		
Lợi nhuận từ LDLK	9,7	(4,7)	-148,5%		
Thu nhập khác	(1,8)	(13,8)	678,0%		
LNTT	(106,5)	(65,1)	-38,9%		
LN ròng	(103,8)	(56,2)	-45,9%	NA	Thấp hơn so với kỳ vọng

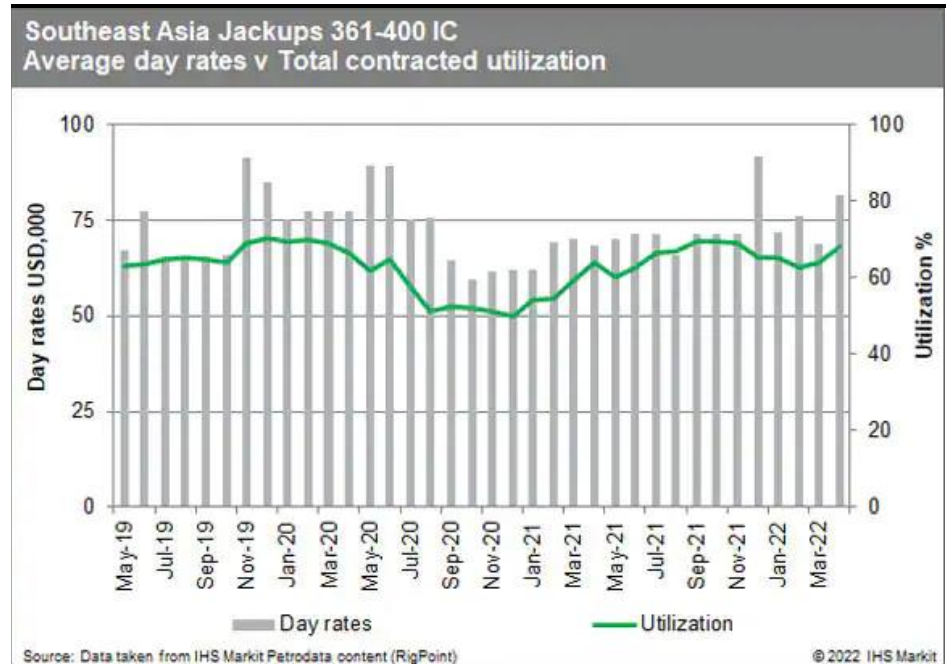
Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

Triển vọng 2022-24: Phục hồi mạnh mẽ hơn trong các quý sắp tới nhờ TT khoan cải thiện

Nhu cầu sử dụng giàn khoan tự nâng tại ĐNÁ dự kiến sẽ tăng trong trung hạn

Theo IHS Markit, có 30 giàn khoan đã có hợp đồng trong tổng số 42 giàn khoan có thể làm việc vào đầu năm nay tại khu vực Đông Nam Á (ĐNÁ). Và IHS dự báo hiệu suất sử dụng giàn tự nâng sẽ tiếp tục tăng từ Q2/22 khi nhiều chiến dịch khoan bắt đầu được triển khai. Trong bối cảnh giá dầu duy trì ở mức rất cao như hiện nay, nhu cầu huy động giàn khoan được dự báo sẽ tăng cao tại ĐNÁ trong giai đoạn 2022-25 với nhu cầu dự kiến là 6 - 8 giàn tại Việt Nam, 11 - 22 giàn tại Malaysia, 8 - 12 giàn tại Indonesia và 8 - 16 giàn tại Thái Lan. Theo đó, giá thuê ngày giàn tự nâng được dự báo sẽ tăng lên vùng 75.000 USD/ngày trong năm nay, mang lại lợi ích cho các nhà cung cấp dịch vụ khoan như PVD.

Hình 2: Giá thuê ngày trung bình (day rates) và hiệu suất sử dụng trung bình (utilisation) giàn tự nâng tại ĐNA



Nguồn: IHS MARKIT

Lịch trình khoan của PVD đã được lấp đầy kể từ Q2/2022

Tính tới thời điểm hiện tại, tất cả các giàn khoan của PVD đã giành được hợp đồng cho các chiến dịch khoan trong năm 2022 và xa hơn thế nữa, chi tiết như sau:

- Giàn PVD I phục vụ chiến dịch khoan của Vietsovpetro (VSP) cho đến Q1/23.
- Giàn PVD II đã bắt đầu khoan cho VSP từ tháng 3/2022 với hợp đồng ngắn hạn tại Lô 09-1, sau đó sẽ di chuyển sang Indonesia để phục vụ cho chương trình khoan trong 3 tháng. Dự kiến giàn PVD II sẽ quay lại Việt Nam để thực hiện một chương trình khoan khác cho nhà điều hành trong nước trong phần còn lại của năm 2022.
- Giàn PVD III tiếp tục chương trình khoan dài hạn cho Repsol Malaysia với tùy chọn gia hạn trong năm 2023.
- Giàn PVD VI khoan cho ENI Việt Nam và Premier Oil Việt Nam lần lượt trong Q2/22 và Q3/22. Sau đó dự kiến sẽ phục vụ cho một nhà điều hành nội địa khác (Cửu Long JOC - CLJOC) trong phần còn lại của năm 2022 và đầu 2023.
- Giàn nước sâu PVD 5 (giàn TAD) đã bắt đầu hợp đồng khoan 10 năm cho Shell Brunei từ tháng 1/2022.

Tại ĐHCĐ năm 2022, ban lãnh đạo cho biết rằng trong trường hợp giá dầu tiếp tục duy trì ở mức cao, nhiều mỏ khai thác dầu khí trong nước sẽ có đủ điều kiện để triển khai, mang lại nhiều cơ hội việc làm tiềm năng cho PVD trong những năm tới.

Nhìn chung, chúng tôi ước tính PVD sẽ ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ về LN ròng năm 2022 so với mức thấp của năm 2021 (+17,4 lần svck), sau đó đạt mức tăng trưởng kép LN ròng là 45,1% trong năm 2023-24, nhờ vào: (1) thị trường khoan trong khu vực dần khởi sắc, và (2) đóng góp của giàn khoan nước sâu (giàn TAD).

Hình 3: Lịch trình khoan của PVD

Giàn khoan	Q1/21	Q2/21	Q3/21	Q4/21	Q1/22	Q2/22	Q3/22	Q4/22
PVD I		CLJOC		VSP			VSP	
PVD II	VSP		HLJOC			VSP	Indonesia	
PVD III		VSP	JVPC				Repsol Malaysia	
PVD VI		ENI		TLJOC		ENI VN	PremierOil VN	CLJOC
TAD							Shell Brunei	
PVD XI							GBRS	
Hakuryu-11 *							Idemitsu	

Hợp đồng chắc chắn

Hợp đồng tiềm năng/Đang đấu thầu

* giàn khoan thuê ngoài

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

Thay đổi trong dự phóng KQKD 2022-24: Chúng tôi giảm dự phóng EPS năm 2022-24 xuống 32,6%/9,3%/1,7% do áp dụng giả định giá thuê ngày bình quân giàn tự nâng thấp hơn

Hình 4: Thay đổi trong dự phóng KQKD 2022-24

Đơn vị: tỷ đồng	2022			2023			2024			Nhận định
	Cũ	Mới	%Δ	Cũ	Mới	%Δ	Cũ	Mới	%Δ	
Giá thuê ngày trung bình giàn tự nâng (USD)	70.000	63.000	-10,0%	72.100	70.000	-2,9%	74.263	74.200	-0,1%	Chúng tôi điều chỉnh giảm giả định giá thuê ngày trung bình giàn tự nâng xuống 10,0%/2,9% cho 2022-23 để phản ánh mức giá thuê thấp hơn kỳ vọng trong Q1/22
Giá thuê ngày giàn TAD (USD)	90.000	90.000	-	90.000	90.000	-	90.000	90.000	-	
Hiệu suất sử dụng giàn tự nâng (%)	90%	90%	-	90%	90%	-	90%	90%	-	
Hiệu suất giàn TAD (%)	95%	95%	-	95%	95%	-	95%	95%	-	
Doanh thu thuần	5.972,0	5.763,4	-3,5%	5.883,7	5.822,7	-1,0%	6.125,5	6.127,2	0,0%	
Thương mại	441,1	445,8	1,1%	454,3	459,1	1,1%	463,4	468,3	1,1%	
Khoan	3.451,7	3.239,6	-6,1%	3.204,7	3.140,1	-2,0%	3.303,9	3.301,9	-0,1%	
DV giếng khoan	2.079,2	2.078,1	-0,1%	2.224,7	2.223,5	-0,1%	2.358,2	2.356,9	-0,1%	
LN gộp	981,6	769,4	-21,6%	1.095,6	1.030,9	-5,9%	1.193,2	1.191,1	-0,2%	
Biên LN gộp	16,4%	13,3%	-3,1 điểm%	18,6%	17,7%	-0,9 điểm%	19,5%	19,4%	0,0 điểm%	
Chi phí bán hàng và QLDN	517,3	500,9	-3,2%	460,3	455,5	-1,0%	473,1	473,2	0,0%	
EBIT	464,4	268,5	-42,2%	635,2	575,4	-9,4%	720,0	717,9	-0,3%	
Doanh thu tài chính	153,7	145,0	-5,6%	163,2	145,1	-11,1%	181,0	165,1	-8,8%	Điều chỉnh phù hợp với kết quả Q1/22
Chi phí tài chính	170,4	169,3	-0,6%	164,3	162,2	-1,3%	160,1	158,1	-1,2%	
Lợi nhuận từ LDLK	119,4	115,3	-3,5%	123,6	122,3	-1,0%	128,6	128,7	0,0%	
LNTT	587,4	378,9	-35,5%	777,7	700,3	-10,0%	890,4	874,2	-1,8%	
LN ròng	503,8	339,5	-32,6%	654,1	593,1	-9,3%	727,4	715,0	-1,7%	
EPS (đồng)	995,9	671,2	-32,6%	1.293,0	1.172,5	-9,3%	1.437,9	1.413,4	-1,7%	

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Duy trì khuyến nghị Khả Quan với giá mục tiêu thấp hơn là 30.500 đ/cp

Mặc dù KQKD Q1/22 không mấy khả quan, chúng tôi vẫn tin tưởng vào sự phục hồi mạnh mẽ hơn của PVD trong thời gian tới nhờ vào: (1) tất cả các giàn khoan của PVD đều đã có được hợp đồng khoan cho phần còn lại của năm nay và cả sau đó, (2) giàn khoan nước sâu TAD chính thức hoạt động trở lại từ tháng 1/2022, và (3) nhu cầu khoan được kỳ vọng sẽ phục hồi mạnh mẽ nhờ đà tăng hiện nay của giá dầu, kéo theo đó là sự phục hồi của giá thuê ngày giàn tự nâng.

Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị Khả Quan đối với cổ phiếu PVD với giá mục tiêu là 30.500 đồng, vẫn dựa trên P/B mục tiêu năm 2022 là 1,15 lần.

Động lực tăng giá và rủi ro giảm giá:

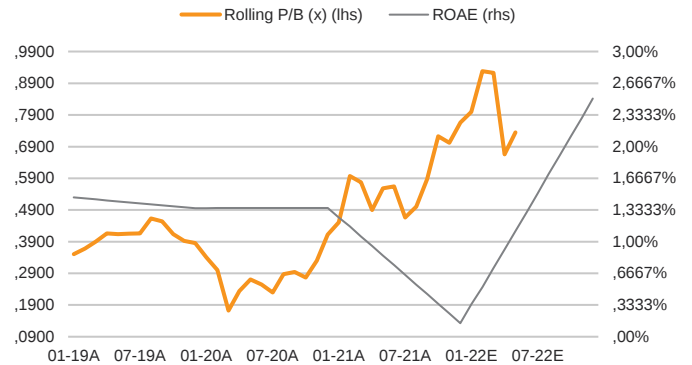
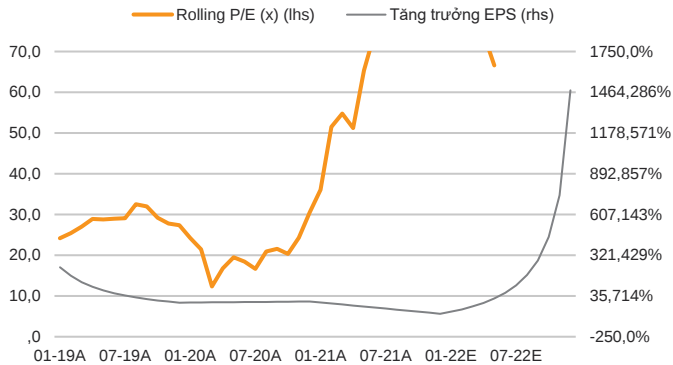
- Động lực tăng giá bao gồm giá dầu cao hơn và thị trường khoan khu vực phục hồi mạnh mẽ hơn kỳ vọng.
- Rủi ro giảm giá đến từ sự sụt giảm của giá dầu và hiệu suất sử dụng cũng như giá thuê ngày giàn khoan tự nâng thấp hơn kỳ vọng.

Hình 5: So sánh các công ty cùng ngành

Công ty	Mã CK	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vốn hóa tr.USD	P/E (x)		Tăng trưởng EPS 3 năm	P/B (x)		ROE (%)		ROA (%)	
			Nội tệ	Nội tệ		2022	2023		2022	2023	2022	2023	2022	2023
Borr Drilling Ltd	BORR NO	KKN	47,50	NA	758	NA	NA		1,2	1,3	-14,0%	-0,8%	NA	NA
Velesto Energy Bhd	VEB MK	KKN	0,12	NA	224	NA	20		40,0	40,0	2,3%	3,6%	0,0%	1,9%
Sapura Energy Bhd	SAPE MK	KKN	0,08	NA	272	NA	NA		0,3	1,0	-81,0%	5,6%	-3,5%	-2,4%
Valaris Ltd	VAL US	KKN	59,73	NA	4.480	92	16		4,1	3,1	10,4%	28,2%	NA	NA
Transocean	RIG US	KKN	4,14	NA	2.820	NA	NA		0,3	0,3	-4,4%	-2,8%	-1,9%	-0,8%
Average						92,3	18,0		9,2	9,1	-17,3%	6,7%	-1,8%	-0,4%
PV Drilling	PVD VN	ADD	21.900	30.500	477	32,6	18,7	231,9%	0,8	0,8	2,5%	4,4%	1,6%	2,9%

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH (DỮ LIỆU NGÀY 26/05)

Định giá



Báo cáo KQ HKĐK

(tỷ VND)	12-21A	12-22E	12-23E
Doanh thu thuần	3.995	5.763	5.823
Giá vốn hàng bán	(3.624)	(4.994)	(4.792)
Chi phí quản lý DN	(386)	(482)	(437)
Chi phí bán hàng	(13)	(19)	(19)
LN hoạt động thuần	(27)	268	575
EBITDA thuần	507	940	1.247
Chi phí khấu hao	(534)	(672)	(672)
LN HĐ trước thuế & lãi vay	(27)	268	575
Thu nhập lãi	164	145	145
Chi phí tài chính	(171)	(169)	(162)
Thu nhập ròng khác	(7)	19	20
TN từ các Cty LK & LD	104	115	122
LN trước thuế	62	379	700
Thuế	(26)	(32)	(95)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(17)	(7)	(12)
LN ròng	20	340	593
Thu nhập trên vốn	20	340	593
Cổ tức phổ thông	(3)	(5)	(9)
LN giữ lại	17	334	584

Bảng cân đối kế toán

(tỷ VND)	12-21A	12-22E	12-23E
Tiền và tương đương tiền	1.131	851	1.094
Đầu tư ngắn hạn	1.544	1.390	1.320
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.936	2.116	2.393
Hàng tồn kho	758	958	977
Các tài sản ngắn hạn khác	60	87	88
Tổng tài sản ngắn hạn	5.429	5.401	5.872
Tài sản cố định	12.962	12.636	12.314
Tổng đầu tư	652	773	787
Tài sản dài hạn khác	1.718	1.718	1.718
Tổng tài sản	20.761	20.528	20.691
Vay & nợ ngắn hạn	748	665	651
Phải trả người bán	780	892	856
Nợ ngắn hạn khác	1.502	1.463	1.478
Tổng nợ ngắn hạn	3.030	3.021	2.986
Vay & nợ dài hạn	3.206	3.095	3.030
Các khoản phải trả khác	693	680	666
Vốn điều lệ và	4.215	5.059	5.059
LN giữ lại	1.923	978	1.258
Vốn chủ sở hữu	13.592	13.491	13.770
Lợi ích cổ đông thiểu số	240	242	239
Tổng nợ và vốn chủ sở hữu	20.761	20.528	20.691

Báo cáo LCTT

(tỷ VND)	12-21A	12-22E	12-23E
LN trước thuế	62	379	700
Khấu hao	534	672	672
Thuế đã nộp	(47)	(32)	(95)
Các khoản điều chỉnh khác	(307)	(337)	(264)
Thay đổi VLĐ	(619)	(416)	(332)
LC tiền thuần HKĐK	(376)	265	681
Đầu tư TSCĐ	(608)	(346)	(349)
Thu từ TL, nhượng bán TSCĐ	0	0	0
Các khoản khác	1.065	0	0
Thay đổi tài sản dài hạn khác			
LC tiền từ HĐĐT	457	(346)	(349)
Thu từ PH CP, nhận góp VCSH			
Trả vốn góp CSH, mua CP quỹ			
Tiền vay ròng nhận được	154	(194)	(79)
Dòng tiền từ HĐTC khác	(26)		
Cổ tức, LN đã trả cho CSH	(3)	(5)	(9)
LC tiền thuần HĐTC	125	(199)	(88)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	925	1.131	851
LC tiền thuần trong năm	206	(280)	243
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1.131	851	1.094

Các chỉ số cơ bản

	12-21A	12-22E	12-23E
Dupont			
Biên LN ròng	0,5%	5,9%	10,2%
Vòng quay TS	0,19	0,28	0,28
ROAA	0,1%	1,6%	2,9%
Đòn bẩy tài chính	1,52	1,52	1,51
ROAE	0,1%	2,5%	4,4%
Hiệu quả			
Số ngày phải thu	176,8	134,0	150,0
Số ngày nắm giữ HTK	76,3	70,0	74,4
Số ngày phải trả tiền bán	78,5	65,2	65,2
Vòng quay TSCĐ	0,30	0,45	0,47
ROIC	0,1%	1,9%	3,4%
Thanh khoản			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,8	1,8	2,0
Khả năng thanh toán nhanh	1,5	1,5	1,6
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,9	0,7	0,8
Vòng quay tiền	174,6	138,8	159,2
Chỉ số tăng trưởng (yoy)			
Tăng trưởng DT thuần	(23,6%)	44,2%	1,0%
Tăng trưởng LN từ HKĐK	(2.490,8%)		114,3%
Tăng trưởng LN ròng	(89,5%)	1.636,3%	74,7%
Tăng trưởng EPS	(89,5%)	1.478,4%	60,1%

Nguồn: VND RESEARCH

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VNDIRECT

Khuyến nghị cổ phiếu

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -10% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -10%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Khuyến nghị ngành

TÍCH CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tích cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG TÍNH	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị trung bình, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TIÊU CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tiêu cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Trần Khánh Hiền – Giám đốc Phân tích

Email: hien.trankhanh@vndirect.com.vn

Nguyễn Tiến Dũng – Chuyên viên Phân tích cao cấp

Email: dung.nguyentien5@vndirect.com.vn

Nguyễn Ngọc Hải – Chuyên viên Phân tích

Email: hai.nguyenngoc2@vndirect.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: +84 2439724568

Email: research@vndirect.com.vn

Website: <https://vndirect.com.vn>